TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:170/2025/HS-ST
Ngày 27 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Năm

2/ Ông Nguyễn Thái Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư- cán bộ TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện VKS nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai, tham gia phiên tòa: Ông Trần Doãn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 140/2025/HSST ngày 27 tháng 02 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2025/ QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn Th, Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày 15/5/1991, tại Đồng Tháp.

Nơi đăng ký thường trú: Buôn D1, xã K, huyện A, tỉnh Đắk Lắk. Nơi ở hiện nay: không có nơi ở nhất định.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 3/12.

Con ông C - Sinh năm 1963 (Đã chết) và bà P- Sinh năm 1967 (Còn sống). Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Có vợ là Đ – Sinh năm 2000. Bị cáo chưa có con.

Tiền án: Ngày 24-12-2021, thực hiện hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Ngày 13-5-2022, bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo chấp hành xong Bản án vào ngày 31-01-2024.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 25-11-2013, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01

(một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo đã chấp hành xong Bản án vào ngày 17-02-2016.

- Ngày 24-02-2014, bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo đã chấp hành xong Bản án vào ngày 17-02-2016 (Phần bồi thường trách nhiệm dân sự người bị hại không yêu cầu thi hành án).

- Ngày 23-8-2018, bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 (hai) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo chấp hành xong Bản án vào ngày 30-11-2019.

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 17-6-2024. Hiện đang bị tạm giam tại phân trại tạm giam khu vực B(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T là người sử dụng trái phép ma túy tổng hợp (hàng đá).

Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 17-6-2024, T đến khu vực thuộc quận T, thành phố Hồ Chí Minh mua của người thanh niên (không rõ tên, địa chỉ) 02 (hai) gói ma túy tổng hợp (hàng đá) với giá 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để sử dụng. Sau khi mua được ma túy, T cất giấu số ma túy nêu trên trong người rồi đến nhà của anh T – sinh năm 1985 (bạn của T) địa chỉ 262/HF, tổ 24, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai chơi.

Đến khoảng 20 giờ 56 phút cùng ngày, T thuê anh C (sinh năm 1983, ngụ tại 109/1Đ, ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Đồng Nai) điều khiển xe mô tô "Grap" chở T đến khu vực thuộc phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương chơi.

Khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, T đang cất giấu 02 (hai) gói ma túy nêu trên trong túi quần phía trước bên phải T đang mặc và ngồi phía sau xe mô tô do anh C điều khiển đi đến đoạn đường nội bộ thuộc tổ 12, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì bị Công an phường T phát hiện bắt quả tang. Sau đó, Công an phường T lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý.

Quá trình điều tra, T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng vụ án:

- 02 (hai) gói nylon bên trong chứa chất màu trắng (niêm phong gửi giám định).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo – số Imei 866314051793618 của T không liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận giám định số 1282/KL-KTHS ngày 24-6-2024, Giám định viên Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận:

- Mẫu chất màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là chất ma túy, có khối lượng: 60,203gam, loại: Methamphetamine.

Quá trình điều tra, T và anh C, T đều khai anh C và T đều không biết, không liên quan việc T mua và cất giấu ma túy;

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại Cáo trạng số 183/CT-VKSBH ngày 26/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân TP. B đã truy tố bị cáo T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo T về tội danh, điều luật áp dụng nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo T mức án từ 12(mười hai) năm 06 (sáu) tháng đến 13 (mười ba) năm tù.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định theo gói niêm phong số 1282/KL-KTHS ngày 24-6-2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

- Trả lại: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo – số Imei 866314051793618 cho T do không liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay là thống nhất, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ.

Do vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 17-6-2024, tại đoạn đường nội bộ thuộc tổ 12, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, T đã có hành vi tàng trữ trái phép 60,203gam ma túy loại Methamphetamine thì bị Công an phường T phát hiện bắt quả tang.

Tại bản kết luận định giá số 1282/KL-KTHS ngày 24-6-2024, Giám định viên Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận:

- Mẫu chất màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là chất ma túy, có khối lượng: 60,203gam, loại: Methamphetamine.

Bị cáo đồng ý với kết luận giám định và không khiếu nại thắc mắc gì.

Từ những phân tích trên, xét thấy Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố

bị cáo T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

T có hành vi tàng trữ trái phép 60,203gam ma túy loại Methamphetamine. Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự .

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án, ngày 13-5-2022, bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo chấp hành xong Bản án vào ngày 31-01-2024. Vì vậy, bị cáo phạm vào tình tiết "tái phạm", quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, sau khi xem xét đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt tù bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt mới đủ tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định theo gói niêm phong số 1282/KL-KTHS ngày 24-6-2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

- Trả lại: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo – số Imei 866314051793618 cho T do không liên quan đến vụ án.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 23, 26 và 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với anh C và T: Quá trình điều tra làm rõ anh C và T không biết T cất giấu ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với người thanh niên (không rõ tên, địa chỉ) có hành vi bán ma túy cho T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

-Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo T 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/6/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định theo gói niêm phong số 1282/KL-KTHS ngày 24-6-2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

- Trả lại: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo – số Imei 866314051793618 cho T do không liên quan đến vụ án.

(Tại bản giao vật chứng ngày 05/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa).

3. Về án phí: - Áp dụng điều 58 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, 26 và 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Phân trại tạm giam khu vực Biên Hòa;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phú

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: **16/2017/HS-ST**).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho

đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)